

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NV

Vĩnh Linh, ngày tháng 4 năm 2023

V/v rà soát, bổ sung chỉ tiêu thực hiện
CCHC năm 2023 đến năm 2025

Kính gửi:

- Các phòng ban, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 49/SNV-CCHCVTLT ngày 12/01/2023 của Sở Nội vụ về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của các cơ quan, đơn vị.

UBND huyện Vĩnh Linh thực hiện rà soát các chỉ tiêu thực hiện cải cách hành chính đạt được năm 2022, ban hành bổ sung chỉ tiêu thực hiện cải cách hành chính trong năm 2023 và dự kiến thực hiện đến năm 2025 theo yêu cầu tại Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 04/11/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3647/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (*Có phụ lục chi tiết đính kèm*).

Căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu cải cách hành chính năm 2022, các cơ quan, đơn vị bổ sung chỉ tiêu thực hiện trong năm 2023 và dự kiến thực hiện đến năm 2025. UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện/.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Văn Thành

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023, DỰ KIẾN CHỈ TIÊU ĐẠT ĐẾN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Công văn số : /UBND-NV ngày tháng 4 năm 2023 của UBND huyện Vĩnh Linh)

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I	Cải cách thể chế					
1	100% văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) tham mưu ban hành/ban hành đúng pháp luật, đồng bộ, thống nhất theo các văn bản của Trung ương và có tính khả thi cao, công khai, dễ tiếp cận.	100%	100%	100%	100%	
2	Hoàn thành 100% nội dung thực hiện theo dõi thi hành pháp luật hàng năm theo Kế hoạch được phê duyệt.	100%	100%	100%	100%	
3	Thực hiện xử lý 100% văn bản QPPL được yêu cầu xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát.	100%	100%	100%	100%	
II	Cải cách thủ tục hành chính					
1	100% TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp huyện, cấp xã.	100%	100%	100%	100%	
2	100% hồ sơ tiếp nhận được cập nhật vào phần mềm một cửa điện tử của tỉnh.	100%	100%	100%	100%	
3	100% TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền được công bố đầy đủ, kịp thời và nhập, đăng tải công khai TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC sau khi công bố.	100%	100%	100%	100%	

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
4	UBND cấp huyện, UBND cấp xã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công, Công thông tin điện tử của tỉnh;	100%	100%	100%	100%	
5	90% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.	100%	100%	100%	100%	
6	Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Cấp huyện: 54% Cấp xã: 29%	Cấp huyện: 60% Cấp xã: >40%	Cấp huyện: 80% Cấp xã: 60%	Cấp huyện: 100% Cấp xã: 80%	
7	80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện TTHC không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công TTHC trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết TTHC đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.	50%	60%	80%	> 80%	
8	Cắt giảm ít nhất 25% thời gian giải quyết TTHC so với quy định.	Thực hiện theo Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2025				
9	Tỷ lệ số lượng hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn và trước hạn hàng năm đạt từ 99% trở lên.	92,8%	99%	99%	99%	
10	Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.	60%	70%	80%	> 80%	
11	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.	70,25%	70%	80%	> 80%	
12	100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.	100%	100%	100%	100%	

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
13	Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến.	100%	100%	100%	100%	
14	Tỷ lệ hồ sơ giao dịch thanh toán trực tuyến của các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính đạt từ 30% trở lên.	20%	30%	30%	> 30%	
15	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%.	80%	90%	90%	> 90%	
16	Mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.	80%	85%	85%	> 85%	
17	Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ y tế đạt tối thiểu 85%.	80%	85%	85%	> 85%	
18	Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục đạt tối thiểu 85%.	80%	85%	85%	> 85%	
III	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước					
1	Giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.	Thực hiện theo Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh vv phê duyệt đề án tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong ĐVSNCNCL thuộc UBND huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2022-2025: Đến 2025, tổng số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước đạt tỉ lệ 11,57% so với năm 2021				
2	Giảm tối thiểu 5% biên chế hành chính so với năm 2021.	Thực hiện theo Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh vv phê duyệt đề án tinh giản biên chế công chức từ năm 2024-2026 thuộc khối chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: Đến năm 2026, giảm 5,6% biên chế hành chính so với năm 2021				

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
IV	Cải cách chế độ công vụ					
1	100% CBCCVC ứng dụng CNTT thành thạo trong xử lý công việc	100%	100%	100%	100%	
2	Tối thiểu 95% CBCCVC được đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo hiệu quả công việc.	98%	> 95%	> 95%	> 95%	
3	100% cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp thuộc huyện bố trí công chức, viên chức đúng vị trí việc làm, khung năng lực đã được phê duyệt.	Bổ trí công chức, viên chức đúng vị trí việc làm, khung năng lực sau khi có Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án vị trí việc làm.				
4	100% cán bộ, công chức được bồi dưỡng theo chức danh quy định.	100%	100%	100%	100%	
5	100% cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn trình độ cao đẳng, đại học theo quy định.	100%	100%	100%	100%	
V	Cải cách tài chính công					
1	Tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.	5,35%	Phấn đấu đến năm 2025 tối thiểu 20% ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên.			
2	Đơn vị sự nghiệp có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.	Dự kiến chuyển đổi Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Vĩnh Linh chuyển sang công ty cổ phần giai đoạn 2022-2025 theo Tờ trình số 257/TTr-UBND ngày 16/12/2022; Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh				

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
VI	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số					
1	100% báo cáo UBND cấp huyện báo cáo lên hệ thống báo cáo của tỉnh đúng quy định	100%	100%	100%	100%	
2	100% UBND cấp huyện thực hiện họp thông qua hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của UBND tỉnh và các cuộc họp của UBND.	100%	100%	100%	100%	
3	Hệ thống theo dõi, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của UBND và Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao, hiện thị 100% theo thời gian thực.	97,6%	99%	100%	100%	
4	100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.	50%	60%	80%	100%	
5	Ít nhất 80% các hệ thống thông tin của địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.	100%	100%	100%	100%	
6	Trên 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện, trên 80% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Cấp huyện: 95% Cấp xã: 90%	Cấp huyện: 95% Cấp xã: 90%	Cấp huyện: 95% Cấp xã: 90%	Cấp huyện: 95% Cấp xã: 90%	
8	Hoàn thành 100% các nội dung thực hiện về chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để xây dựng Chính quyền điện tử và Chính quyền số	Bám sát các nội dung theo Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND huyện về triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phấn đấu đến năm 2025 hoàn thành 100% các nội dung đã đề ra				

STT	Nội dung/Chỉ tiêu đạt vào năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy	Chỉ tiêu đạt năm 2022	Chỉ tiêu đạt năm 2023	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2024	Dự kiến chỉ tiêu đạt năm 2025	Ghi chú
IX	Công tác chỉ đạo, điều hành					
1	100% các văn bản chỉ đạo, điều hành về công tác cải cách hành chính được ban hành đầy đủ, kịp thời và đảm bảo về chất lượng nội dung	100%	100%	100%	100%	
2	Thực hiện đạt hiệu quả 100% các nội dung công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 và hàng năm theo kế hoạch đã được phê duyệt.	100%	100%	100%	100%	
3	Mỗi cơ quan, đơn vị có từ 2-3 sáng kiến, giải pháp/năm được triển khai thực hiện có hiệu quả về công tác cải cách hành chính.	1 sáng kiến (được chọn nhân rộng)	1 sáng kiến (được chọn nhân rộng)	2 sáng kiến (được chọn nhân rộng)	2-3 sáng kiến (được chọn nhân rộng)	
4	Có kế hoạch và giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị và các Chỉ số của tỉnh: Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI.	Hàng năm xây dựng Kế hoạch CCHC năm có ban hành các giải pháp cải thiện Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị và các Chỉ số của tỉnh: Chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI.				